

## MÔ HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

TS.Lưu Thùy Diệp\*

Hiện nay nền kinh tế thị trường theo mô hình tư bản chủ nghĩa được áp dụng hầu hết ở mọi nước trên thế giới. Tuy nhiên, người ta cũng nhận ra là nó có nhiều hạn chế và gây ra không ít hậu quả tiêu cực, nhất là trong quan hệ giữa con người với nhau, trong lãnh vực xã hội, và trên môi trường thiên nhiên. Thật vậy, từ khi nước ta đã mở cửa để tiếp nhận kinh tế thị trường, tuy của cải trong xã hội nhìn chung có gia tăng, nhưng không phải mọi thành viên trong xã hội đều được thụ hưởng của cải đó. Mức chênh lệch giàu nghèo ngày càng gia tăng giữa thành thị và nông thôn, giữa những thành phần trong cùng một cộng đồng xã hội. Thất nghiệp gia tăng đã gạt nhiều người ra bên lề xã hội. Tình trạng này gây bất mãn nơi những người bị đẩy ra khỏi vòng quay của kinh tế, hoặc buộc họ phải chấp nhận bất cứ việc gì, bất chấp đạo lý và luật pháp, để nuôi thân và gia đình. Điều này làm gia tăng tệ nạn xã hội và hành động phạm pháp, gây bất ổn cho xã hội.

Quan hệ giữa con người được điều tiết chủ yếu bằng đồng tiền, và cũng chính đồng tiền là tiêu chuẩn để đánh giá con người. Phẩm chất con người do đó bị thoái hoá, biến chất. Người ta chỉ còn biết cái lợi trước mắt cho mình, bất kể lẽ nghĩa. Người ta cũng thiếu cả ý thức cộng đồng nữa. Và chính những điều này mới là nguyên nhân sâu xa gây nên tất cả những xáo trộn trong xã hội. Ngoài ra, sự khai thác quá độ tài nguyên thiên nhiên để sản xuất ngày càng nhiều hàng hoá đã ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái vì tài nguyên thiên nhiên không phải là vô hạn. Và lại, những chất thải công nghiệp ngày càng gia tăng không được xử lý đúng mức cũng gây ra ô nhiễm môi trường và có tác hại trên sức khỏe con người.

Do vậy, sự phát triển kinh tế không luôn luôn có nghĩa là phát triển về mặt con người và xã hội, và nó cũng chẳng bảo đảm được một sự phát triển bền vững cho các thế hệ tương lai

nữa. Nếu tính đến những tổn thất về mặt xã hội cũng như môi trường, thì sẽ thấy ngay rằng tất cả cái lợi về mặt kinh tế chưa chắc đã bù đắp nổi các tác hại về hai mặt này. Và có một nghịch lý mà nhiều nhà kinh tế đã nêu lên: trong hạch toán của một nền kinh tế thị trường, chính các chi phí phải bỏ ra để sửa chữa những thiệt hại do con người hay do thiên nhiên gây ra cho xã hội và cho môi trường lại làm gia tăng tổng sản phẩm xã hội. Như vậy, có thể nói là càng gia tăng tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn, thiên tai, dịch bệnh, v.v. trong một xã hội thì mức tăng trưởng của xã hội đó càng được đánh giá là cao! Mức tăng trưởng đó dĩ nhiên không phản ánh trung thực ngay cả sự phát triển kinh tế của một quốc gia, huống hồ là sự phát triển về chất của một quốc gia.

Trong thập niên 90, trước những bất cập của nền kinh tế thị trường, nhiều nhà nghiên cứu về khoa học xã hội thấy cần phải khuyến khích một “khu vực thứ ba” bên cạnh khu vực Nhà nước và thị trường. Có người gọi đó là “kinh tế đoàn kết” (économie solidaire), người khác gọi là “kinh tế đa khu vực” (économie plurielle) hoặc “tân kinh tế xã hội” (nouvelle économie sociale). Nếu những khái niệm này có khác biệt nhau đôi chút, chúng cũng chỉ xoay quanh khái niệm *kinh tế xã hội* nhưng với những sắc thái mới mẻ hơn. Vậy, mô hình *kinh tế xã hội* là gì?

### 1. Khái niệm về *kinh tế xã hội*

Từ *kinh tế xã hội* (économie sociale) được sử dụng lần đầu tiên tại Châu Âu vào khoảng năm 1830 bởi một số rất nhỏ các lý thuyết gia muốn lưu ý đến vấn đề luân lý hoặc vấn đề xã hội mà “sự tiến bộ kinh tế” đã gây ra. Hầu hết các nhà kinh tế học khác chỉ đề ý đến sự hữu hiệu của phương thức sản xuất mới và sự phân chia của cải tốt hơn mà những lý thuyết kinh tế thời đó tán dương. Nhưng khái

\* Tiến sỹ ngành Công tác xã hội - ĐH Laval, Québec, Canada

niệm *kinh tế xã hội* cũng chỉ chiếm một vai trò rất mờ nhạt rồi lại bị nuốt chửng bởi sức mạnh của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, nó vẫn thỉnh thoảng xuất hiện lại trong lịch sử kinh tế, dưới những tên gọi và hình thức khác nhau tùy thời kỳ, đặc biệt là vào mỗi lần mà có một nhóm người, một tập thể hoặc một cộng đồng xã hội, cảm nhận rằng cơ cấu kinh tế hiện có, cho dù là Nhà nước hay tư nhân, không thỏa mãn được những nhu cầu của xã hội. Bắt đầu từ khoảng đầu những năm 1990, xuất phát từ những khủng hoảng đang diễn ra trên thế giới, ngay cả ở những nước phát triển nhất, khái niệm *kinh tế xã hội* lại tái xuất hiện. Nó được đề nghị như con đường thứ ba giữa kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân, giữa kinh tế chính thức và kinh tế phi chính thức. Tuy nhiên, khái niệm này hoàn toàn không được biết đến trong đa số các nước đang phát triển. Và ngay cả tại các nước phát triển, nơi mà nhiều phong trào xã hội đang ra sức cô đọng cho nó, thì thường *kinh tế xã hội* cũng không được hiểu đúng mức.

Theo nhà kinh tế học người Bỉ Jacques Defourmy, *kinh tế xã hội* là toàn bộ những hoạt động kinh tế của những doanh nghiệp sản xuất của cải và dịch vụ, hàng hóa hoặc phi hàng hóa, nhưng tất cả đều dựa trên tinh thần đoàn kết, độc lập và ý thức công dân cao. Về hình thức pháp lý, một doanh nghiệp *kinh tế xã hội* chủ yếu là một hợp tác xã, một hiệp hội, một hội tương tế, hoặc một doanh nghiệp phi lợi nhuận. Chúng tuân thủ những nguyên tắc sau:

- Sự độc lập đối với Nhà nước và đối với vốn huy động nơi công chúng;
- Sự tham gia tự do của các thành viên;
- Một cơ cấu dân chủ trong quyền hành và quản lý;
- Vị trí hàng đầu của cộng đồng, của con người và của lao động trên vốn;
- Phân chia thặng dư và thu nhập một cách công bằng và bình đẳng;

Theo nhà kinh tế học người Pháp, Jean-Louis Laville, thì những đặc điểm của *kinh tế xã hội* được xác định như sau:

- Về mặt nhân bản, đó là một sự kết hợp tự do của những người muốn tiến hành chung những hoạt động kinh tế và góp phần tạo ra công ăn việc làm, đồng thời làm cho sự gắn kết giữa các thành viên trong xã hội thêm vững chắc;

- Về mặt kinh tế, đó là một sự phối hợp hài hòa của các nguồn hàng hóa, phi hàng hóa, tiền tệ và phi tiền tệ;

- Về mặt xã hội, đó là việc tạo ra tình đoàn kết tự nguyện và có lựa chọn giữa những người trong cùng một cộng đồng hoặc cư ngụ trong cùng một địa phương;

- Về mặt chính trị, đó là mọi người và mỗi người được phát biểu và tham gia một cách dân chủ.

Sau khi đã tìm hiểu *kinh tế xã hội* là gì, chúng ta hãy xem mô hình này có những ưu điểm gì và có thích hợp với đất nước chúng ta không.

## 2. Những ưu điểm của kinh tế xã hội

### a. Nhìn tổng quát

Trong Bản Tuyên ngôn Lima về kinh tế đoàn kết, có nêu lên rằng: “Kinh tế đoàn kết dựa trên hợp tác, chia sẻ và hành động tập thể. Kinh tế đoàn kết đặt con người vào trung tâm của sự phát triển kinh tế và xã hội”.

Mặt khác, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ 9 năm 2001 đã định nghĩa nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa như một nền kinh tế lấy phương thức sở hữu công cộng (nhà nước và tập thể) làm nền tảng và dành vai trò chủ đạo cho khu vực kinh tế Nhà nước. Theo quan điểm này thì *kinh tế xã hội* hoàn toàn phù hợp với khuynh hướng phát triển kinh tế của Nhà nước ta hiện nay. Thật vậy, về phương thức sở hữu, mô hình *kinh tế xã hội* cũng chủ trương sở hữu tập thể với các loại hình hợp tác xã và doanh hội. Và nó cũng chủ trương phát triển nền kinh tế đa khu vực, trong đó mọi chủ thể kinh tế đều có chỗ đứng và cùng hoạt động bình đẳng. Khu vực Nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo theo nghĩa là Nhà nước điều tiết xã hội và kinh tế của đất nước, giữ vai trò trọng tài giữa các thành phần, gánh trách nhiệm

tái phân phối thu nhập của toàn xã hội, cũng như quản lý những ngành liên quan đến chiến lược và an ninh của một quốc gia. Như thế, một đất nước mới phát triển một cách hài hòa chứ không phải với hai tốc độ khác nhau, khiến gây phân hóa giữa người giàu và nghèo và tạo bất ổn cho xã hội.

Trong Báo cáo năm 2001 về Phát triển con người tại Việt nam, chính phủ đã nhìn nhận Nhà nước không phải là người cung cấp việc làm duy nhất và tốt nhất, nhưng Nhà nước phải tập trung nhiều hơn vào việc thực thi vai trò gián tiếp của mình, nghĩa là thiết lập và giám sát những định chế tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường lao động được hoạt động tốt. Nhà nước cũng có trách nhiệm đảm bảo cung ứng những dịch vụ xã hội phù hợp với khả năng tiếp cận và thanh toán của nhân dân. Quan niệm này về vai trò của Nhà nước cũng được chia sẻ bởi *kinh tế xã hội*.

Ngoài ra, thị trường cũng là một chủ thể cần thiết cho đời sống kinh tế và xã hội để trên đó người dân có thể trao đổi hàng hóa và dịch vụ. Do đó, *kinh tế xã hội* không chối bỏ sự cần thiết của thị trường mà chỉ chống đối lại chủ nghĩa tân tự do, vì chủ nghĩa này đã “biến thị trường thành một thứ tuyệt đối có khả năng quyết định đối với quyền lợi chung” và đã trao độc nhất cho thị trường vai trò điều tiết những quan hệ xã hội. Trong khi đó kinh tế xã hội sẽ biến thị trường thành “một công cụ hữu ích để đạt được những mục tiêu kinh tế và xã hội ấn định bởi các cộng đồng địa phương và cuối cùng là bởi xã hội quốc dân (*société nationale*)” (Gélinas, 2000: 289). Vậy, thay vì muốn loại bỏ thị trường, *kinh tế xã hội* sẽ cho phép nó hoạt động tốt hơn và một cách bình đẳng hơn qua sự kiểm soát kinh tế và xã hội.

#### **b. Sự thích hợp về mặt chính trị**

*Kinh tế xã hội* quan tâm đến việc tham gia dân chủ vào đời sống tập thể chứ không phải chỉ quan tâm đến sản xuất và tích lũy của cải. Như vậy, *kinh tế xã hội* đem đến cho chúng ta cơ hội để học tập thực thi dân chủ và cả tinh

thần công dân tích cực ngay trong đời sống hàng ngày. Và ngược lại chính việc thi hành dân chủ sẽ tạo điều kiện để người dân tham gia vào các quyết định và được hưởng một cách công bằng hơn những thành quả lao động được phân phối. Vậy *kinh tế xã hội* cho thấy là dân chủ không chỉ thuộc phạm vi chính trị mà còn có chỗ đứng quan trọng trong các lãnh vực kinh tế và xã hội, là những lãnh vực thiết yếu của hoạt động con người. Và nếu trong chính trị, dân chủ chỉ cho phép chúng ta có những đại diện thì qua *kinh tế xã hội*, nó cho phép toàn thể công dân tham gia vào việc ra quyết định và thi hành quyết định ở mọi cấp. Dân chủ là một điều kiện thiết yếu cho sự phát triển của *kinh tế xã hội* và ngược lại *kinh tế xã hội* là phương tiện phát triển của dân chủ.

#### **c. Sự thích hợp về mặt kinh tế**

Trước thời kỳ đổi mới kinh tế vào cuối thập niên 80, chính nền kinh tế phi chính thức đã giúp cho kinh tế Việt nam tồn tại và phát triển. Sau khi có chính sách đổi mới, khu vực phi chính thức đã trở nên phồn thịnh và có thể nói đây là nền móng của *kinh tế xã hội*. Như vậy, *kinh tế xã hội* đã có một cơ sở quan trọng tại Việt nam và sự đóng góp của nó vào sự phát triển kinh tế không phải là nhỏ. Tuy nhiên, xuất hiện một cách tự phát, không được chuẩn bị cũng không có dự án tương lai, khu vực phi chính thức này cũng rất là bấp bênh và dễ bị tan vỡ trước sự cạnh tranh khắc nghiệt của cơ chế thị trường không có tổ chức. Nhà nước nên thể chế hóa khu vực này và tạo điều kiện để nó hoạt động theo những nguyên tắc và phương thức của *kinh tế xã hội* để nó có thể tồn tại và tiếp tục góp phần vào sự phát triển của đất nước.

Ngoài ra, đa số người dân Việt nam không có đủ vốn để thành lập riêng một doanh nghiệp, mô hình hợp tác xã mà *kinh tế xã hội* đề nghị có thể giải quyết vấn đề này. Tại nông thôn, mỗi nông dân chỉ được một sào, việc hợp tác hóa sẽ cho phép góp chung đất nông nghiệp lại để có thể sản xuất trên một quy mô rộng lớn hơn và với năng suất cao hơn. Ngoài ra, hợp

tác hóa cũng giúp cho nông dân giải quyết các vấn đề về thị trường, chuyển giao công nghệ và vay vốn. Nhưng các nông dân có lẽ còn bị sự thất bại của các hợp tác xã thời bao cấp ám ảnh nên công tác vận động tư tưởng cho các nông dân để khuyến khích họ xây dựng hợp tác xã là cần thiết.

*Kinh tế xã hội* cũng cho phép hình thành một sản nghiệp tập thể quan trọng, vì nó là phương thức sở hữu tập thể. Do đó, những doanh nghiệp *kinh tế xã hội* hợp thành sản nghiệp chung của một dân tộc. Thật vậy, nếu một doanh nghiệp tư nhân có thể chuyển nhượng dễ dàng và có thể bị mua bởi một công ty nước ngoài, thì một hợp tác xã không thể đem ra mua bán.

Toàn cầu hoá là xu hướng của thời đại, nhưng nếu không được chuẩn bị kỹ càng và chỉ đạo chặt chẽ, việc một quốc gia nghèo tham gia vào thị trường quốc tế tạo cho nó nhiều thiệt hại hơn là lợi ích. Những đồng ngoại tệ thật là hấp dẫn nhưng khi muốn hòa nhập vào thị trường thế giới, các nước nghèo chỉ phụ thuộc thêm vào thị trường này trên đó cạnh tranh rất là gay gắt, trong khi người nông dân lại không nắm vững những quy luật cũng như những chuẩn mực mà họ phải tuân thủ khi bước vào thị trường thế giới. Do đó, vì Việt nam đang trên đà phát triển và nền kinh tế Việt nam còn yếu kém, nên những dự án và những doanh nghiệp nhỏ mà *kinh tế xã hội* đề nghị phù hợp hơn với thành phần nông dân nghèo tại Việt nam.

#### *d. Sự thích hợp về mặt xã hội*

Các thanh niên nông thôn đổ xô ra các đô thị thường không dễ tìm được việc làm vì không được đào tạo và thiếu chuyên môn. Để kiếm tiền họ rất dễ bị dụ dỗ vào những việc làm bất chính. *Kinh tế xã hội* rất quan tâm đến việc tạo ra công ăn việc làm, cũng như là đưa các thành phần yếu kém trong xã hội trở lại thị trường lao động, nên có thể làm giảm tình trạng này.

Việt Nam là một nước có 54 dân tộc khác nhau. Mặc dầu người Kinh chiếm 90 % dân số và 53 dân tộc khác chia sẻ tỷ lệ 10 % còn lại

nhưng họ cũng phải được quan tâm đến trong một đất nước dân chủ không kỳ thị chủng tộc. *Kinh tế xã hội* thích nghi dễ dàng với những đặc điểm địa phương bằng những dự án nhỏ, dễ có thể len lỏi vào các hoạt động kinh tế của các dân tộc thiểu số này. Nó sẽ góp phần làm sống lại và phát triển những nghề truyền thống dân gian, đồng thời vẫn giữ được bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc cũng như sự đa dạng về văn hoá của cả nước.

*Kinh tế xã hội* cũng tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia kinh tế. Kinh tế gia đoạt giải Nobel kinh tế năm 1998 Amartya Sen khẳng định là phụ nữ đóng một vai trò rất lớn trong sự thay đổi xã hội và đóng góp của họ chưa được lưu tâm đến nhiều trong các nghiên cứu về phát triển.

#### *e. Sự thích hợp về mặt văn hóa*

Những giá trị về đoàn kết và tương trợ của *kinh tế xã hội* chẵn chẵn là rất phù hợp với tính cách người dân Việt nam, nhất là tại nông thôn nơi sinh sống của 75 % dân số. Sự tương trợ vẫn diễn ra từ bao đời nay không những trong cùng một gia đình, dòng họ, mà còn trong cùng một làng xóm, khu phố.

Nhà nước cũng khuyến khích rất nhiều hình thức tương trợ này qua các hội đoàn như Hội Nông dân, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội liên hiệp Thanh niên, Mặt trận Tổ quốc, v.v. Nên những nguyên tắc của *kinh tế xã hội* không thể không được người dân hưởng ứng.

#### *f. Sự thích hợp về mặt môi trường*

Tại Việt nam, sự tăng trưởng kinh tế cũng kéo theo cả sự thoái hoá của môi trường. Thật vậy, các mặt hàng xuất khẩu của Việt nam chủ yếu được khai thác từ môi trường thiên nhiên (dầu thô, than, gạo, nông sản, hải sản, v.v.). Ngoài ra, các chất thải công nghiệp, sự ô nhiễm ở thành thị và sự khai thác vô trách nhiệm các tài nguyên thiên nhiên đang là những vấn đề nhức nhối ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của mọi người dân. *Kinh tế xã hội* chủ trương sản xuất của cải và dịch vụ trong tinh thần có trách nhiệm đối với xã hội

và các thể hệ tương lai, nên luôn tìm cách xác định những yếu tố có ảnh hưởng xấu lên môi trường, và ngay cả ngăn ngừa chúng không để xảy ra, để sự phát triển có tính cách bền vững.

### Kết luận

Trên đây chúng tôi vừa giới thiệu, trong phạm vi hiểu biết giới hạn và nghiên cứu hạn hẹp của mình, một mô hình kinh tế có khả năng góp phần làm giảm bớt tác động xấu về mặt con người, xã hội và môi trường thường nảy sinh trong nền kinh tế tư bản đang chiếm ưu thế trên thế giới hiện nay. Ngoài ra, một mô hình kinh tế như thế này có thể đem lại giải pháp cho đảng viên muốn làm kinh tế tư nhân, nhưng không phải là kinh tế tư bản.

Vậy, thiết nghĩ những người có thẩm quyền và có liên quan nên nghiên cứu sâu rộng hơn mô hình *kinh tế xã hội* để xem có thể ứng dụng mô hình này tại Việt nam, như con đường thứ ba giữa Nhà nước và tư nhân cá thể, để hỗ trợ cho hai khu vực này trong một nền kinh tế đa khu vực. Xin nói thêm là tự bản thân nó, *kinh tế xã hội* không hề có tham vọng trở thành một dự án xã hội hay một mô hình phát triển cho tương lai.

Thật ra, tại các nước phát triển, *kinh tế xã hội* mới chỉ được lưu ý đến chưa đầy hai thập niên trở lại đây, như một giải pháp tạo công ăn việc làm cho những người yếu thế trong xã hội. Tại các nước đang phát triển thì

các Tổ chức phi chính phủ thường áp dụng mô hình *kinh tế xã hội* để giúp cho một cộng đồng địa phương phát triển một cách vững vàng. Ở Việt nam, các Tổ chức phi chính phủ nước ngoài cũng đã phối hợp với các cơ quan đoàn thể trong nước như các Ủy ban nhân dân địa phương, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, v.v, trong nhiều dự án phát triển cộng đồng theo mô hình *kinh tế xã hội* và đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp trong chương trình xoá đói giảm nghèo của nước ta.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- D'AMOURS, Martine (1997). *L'économie sociale au Québec. Cadre théorique, histoire, réalités et défis*, Montréal, Institut de formation en développement économique communautaire (IFDÉC), 80 trang.
- GÉLINAS, Jacques B. (2000). *La mondialisation du monde. Laisser faire ou faire?*, Montréal, Écosociété, 340 trang.
- LÉVESQUE, Benoît (2001). «Économie sociale et solidaire dans un contexte de mondialisation: pour une démocratie plurielle», <http://www.unites.uqam.ca/crises/cahier/c2000/0115.pdf>, 21 trang.
- SEN, Amartya (2000). *Un nouveau modèle économique. Développement, justice, liberté*, Montréal, Éditions Odile Jacob, dịch từ bản tiếng Anh *Development as Freedom* (1999), 356 trang.